

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

Nhượng quyền thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên chuyển nhượng quyền cho phép và yêu cầu bên nhận quyền tự mình tiến hành việc mua bán hàng hoá. Hoạt động nhượng quyền thương mại đã phát triển đúng hướng trên cơ sở Luật Thương mại năm 2005 và Nghị định 35/2006/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/3//2006 để quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại; Thông tư 09/2006/TT-BTM do Bộ Thương mại ban hành ngày để hướng dẫn thủ tục đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại. Ngoài ra, nếu việc nhượng quyền thương mại có liên quan đến việc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, thì còn phải chịu sự điều chỉnh bổ sung của Luật Sở hữu trí tuệ 2005, Luật Chuyển giao công nghệ 2006.

Lần đầu tiên chế định nhượng quyền thương mại được đưa vào điều chỉnh tại Luật Thương mại năm 2005, đây cũng là một trong những chính sách của Việt Nam nhằm thực hiện các cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường phân phối trong đó bao gồm cả phạm vi điều chỉnh về quan hệ nhượng quyền thương mại.

Việc Luật thương mại năm 2005 là văn bản pháp luật đầu tiên của Việt Nam đưa ra các quy phạm điều chỉnh quan hệ nhượng quyền thương mại cho thấy chúng ta đang thực hiện các cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường phân phối bao gồm cả hoạt động này. Bên cạnh đó, Luật thương mại năm 2005 đã đưa ra các quy định về nhượng quyền thương mại để làm cơ sở pháp lý chung cho việc thực hiện hoạt động thương mại này ở Việt Nam với quan điểm khuyến khích phát triển hoạt động thương mại này, đồng thời bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Thương nhân nước ngoài có quyền kinh doanh theo phương thức nhượng quyền thương mại nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định và phải được Bộ trưởng Bộ Thương Mại cho phép. Với việc đăng ký này, Bộ Thương mại sẽ giúp đỡ doanh nghiệp về mặt thông tin để không gặp rủi ro trong việc ký kết các hợp đồng nhượng quyền.

Trên thực tế các quy định về nhượng quyền thương mại trong Luật Thương mại còn được cụ thể hóa để đáp ứng nhu cầu của thực tiễn trong việc điều chỉnh hoạt động này. Vì vậy ngay sau khi Luật Thương Mại 2005 có hiệu lực thì ngày

31 tháng 3 năm 2006 Chính phủ đã ban hành Nghị Định 35/2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, áp dụng đối với thương nhân Việt Nam và thương nhân nước ngoài tham gia vào hoạt động nhượng quyền thương mại. Trong đó, ngoài những quy định về hợp đồng nhượng quyền thương mại phải được lập thành văn bản hoặc bằng các hình thức có giá trị tương đương văn bản như quy định tại Điều 285, Luật thương mại năm 2005 thì các quy định về hợp đồng nhượng quyền thương mại đã được bổ sung thêm một số nội dung ở Nghị định 35/2006/NĐ-CP như sau:

+ Nội dung của hợp đồng thương mại phải có các điều khoản chủ yếu như dung của quyền thương mại; quyền, nghĩa vụ của bên nhượng quyền; quyền và nghĩa vụ của bên nhận quyền; giá cả, phí nhượng quyền định kỳ và phương thức thanh toán; thời hạn hiệu lực của hợp đồng và gia hạn, chấm dứt hợp đồng nhượng quyền và giải quyết tranh chấp (Điều 11).

+ Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng nhượng quyền phải là tiếng Việt, trừ trường hợp nhượng quyền từ Việt Nam ra nước ngoài thì ngôn ngữ do các bên thỏa thuận (Điều 12).

+ Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng nhượng quyền do các bên thỏa thuận (Điều 13).

+ Hợp đồng nhượng quyền thương mại bắt đầu có hiệu lực từ thời điểm hợp đồng được giao kết trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác (Điều 14) Nghị định số 35/2006/NĐ-CP đã cụ thể hóa các điều kiện để tiến hành các hoạt động nhượng quyền thương mại.

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyên hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, ngoài những quy định tại điều 7 Nghị định này, chỉ được thực hiện hoạt động nhượng quyền thương mại đối với những mặt hàng mà doanh nghiệp đó được kinh doanh dịch vụ phân phối theo cam kết quốc tế của Việt Nam.

+ Điều kiện hoạt động nhượng quyền thương mại đối với bên nhượng quyền là thương nhân được cấp quyền thương mại khi đáp ứng đủ các điều kiện hệ thống kinh doanh dự định dùng để nhượng quyền đã được hoạt động ít nhất 1 năm. Trường hợp thương nhân Việt Nam là bên nhận quyền sơ cấp từ bên nhượng quyền nước ngoài, thương nhân Việt Nam đó phải kinh doanh theo phương thức nhượng quyền thương mại ít nhất 1 năm ở Việt Nam trước khi tiến

hành cấp lại quyền thương mại. Thương nhân đó đã đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại với cơ quan có thẩm quyền theo quy định 18 của Nghị định này.

+ Còn điều kiện đối với bên nhận quyền là thương nhân được phép nhận quyền thương mại thì đơn giản hơn, chỉ cần bên nhận quyền có đăng ký kinh doanh nghề nghiệp phù hợp với đối tượng của quyền thương mại. Hàng hóa, dịch vụ được phép kinh doanh, nhượng quyền thương mại không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh (Điều 6 Nghị định số 35/2006/NĐ-CP).

Ngoài ra, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh sau khi được cơ quan quản lý ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương hoặc có đủ điều kiện kinh doanh đối với những hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện.

Như vậy, vấn đề nhượng quyền thương mại theo pháp luật thương mại hiện hành đã phần nào đáp ứng được yêu cầu cấp bách về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại. Tuy nhiên, Luật Thương mại năm 2005 chỉ mới đưa ra những quy định rất cơ bản về hoạt động nhượng quyền thương mại bao gồm: khái niệm nhượng quyền thương mại; quyền và nghĩa vụ của các bên; hình thức của hợp đồng nhượng quyền và giao cho Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh theo phương thức nhượng quyền thương mại và trình tự, thủ tục đăng ký nhượng quyền thương mại.

Mặt khác, pháp luật về nhượng quyền thương mại hiện nay đang đáp ứng được những thông tin trong hoạt động nhượng quyền thương mại cho các doanh nghiệp. Pháp luật thương mại hiện hành đang quy định nhượng quyền thương mại là việc mua quyền sử dụng một nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ hoặc tên thương mại. Trong khi đó, quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ hoặc tên thương mại là những khái niệm trừu tượng, không đơn giản như việc mua bán một hàng hóa cụ thể. Chính vì vậy, việc cung cấp thông tin cho các bên liên quan trong hoạt động nhượng quyền thương mại được coi là yếu tố quan trọng nhất của phương thức này. Đa số các nước có luật điều chỉnh hoạt động nhượng quyền thương mại đều tập trung quy định về việc cung cấp thông tin trong hoạt động nhượng quyền thương mại. Sau khi hệ thống hóa các văn bản pháp quy điều tiết nhượng quyền thương mại của các nước, UNIDROIT đã đưa ra một văn

bản có tên là Luật mẫu về cung cấp thông tin trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

Trên thực tế các thông tin cần cung cấp trong hoạt động nhượng quyền thương mại bao gồm thông tin của bên nhượng quyền và thông tin của bên nhận quyền. Thông tin mà bên nhượng quyền phải cung cấp khá chi tiết và phức tạp bao gồm các thông tin cơ bản về bên nhượng quyền, thông tin về hàng hóa, dịch vụ được nhượng quyền, kinh nghiệm của bên nhượng quyền, các mức phí, loại phí mà bên nhận quyền phải trả, thông tin về đối tượng sở hữu trí tuệ mà bên nhượng quyền sở hữu. Ngược lại bên nhượng quyền cũng cần biết những thông tin nhất định về bên nhận quyền trước khi chọn đối tác làm ăn. Những thông tin do bên nhận quyền cung cấp về vốn đầu tư, kinh nghiệm kinh doanh của bên nhận quyền sẽ giúp cho bên nhượng quyền đưa ra những lựa chọn chính xác, góp phần bảo vệ sự phát triển lành mạnh của cả hệ thống.

Thứ ba, hệ thống pháp luật thương mại hiện hành nói chung và hệ thống pháp luật của chế định về nhượng quyền thương mại nói riêng đã chú trọng đến việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên nhượng quyền, bên nhận quyền và của người tiêu dùng. Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động nhượng quyền thương mại, bên nhượng quyền bao giờ cũng có vị thế cao hơn bên nhận quyền. Nhiều trường hợp bên nhượng quyền có hành vi gây bất lợi cho công việc kinh doanh của bên nhận quyền như chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, ép buộc bên nhận quyền phải nguyên liệu đầu vào hoặc sử dụng dịch vụ từ người cung cấp do bên nhượng quyền chỉ định. Ngoài ra, về vấn đề bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng cũng cần phân định rõ trách nhiệm của bên nhượng quyền và bên nhận quyền khi có tổn thất xảy ra đối với người tiêu dùng. Thông thường khi có thiệt hại xảy ra đối với người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm hoặc dịch vụ do bên nhận quyền cung cấp thì trách nhiệm bồi thường thuộc về bên nhận quyền. Tuy nhiên, nếu bên nhận quyền tuân thủ đúng những chỉ dẫn của bên nhượng quyền thì cũng cần tính đến trách nhiệm liên đới của bên nhượng quyền trong việc bồi thường thiệt hại. Vấn đề trách nhiệm của các bên cần được quy định rõ để tạo điều kiện cho việc xử lý những tranh chấp phát sinh sau này, điều này tương đồng với pháp luật các nước, pháp luật nước ta đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể nhanh chóng tiến hành hoàn thành thủ tục đăng ký nhượng quyền qua đó tạo điều kiện cho hoạt động nhượng quyền thương mại phát triển.

2. Những bất cập và nguyên nhân

Chế định nhượng quyền thương mại được quy định trong Luật Thương mại năm 2005 đã nêu lên những đặc trưng của nhượng quyền thương mại. Tuy nhiên, các chế định về nhượng quyền thương mại đã bỏ qua một yếu tố chính của nhượng quyền thương mại là phí nhượng quyền. Trên thực tế, trong quan hệ nhượng quyền thương mại, hai bên tham gia độc lập với nhau về quan hệ vốn và hoạt động nhượng quyền là hoạt động thương mại do các thương nhân thực hiện nên việc quy định về phí nhượng quyền là rất cần thiết. Ngoài ra, việc quy định cụ thể các đối tượng mà việc kinh doanh gắn với nhãn hiệu hàng hóa, tên thương mại, bí quyết kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, quảng cáo là không cần thiết vì trên thực tế việc kinh doanh có thể gắn với các đối tượng khác ngoài các đối tượng trên, có trường hợp không phải là sở hữu của bên nhượng quyền.

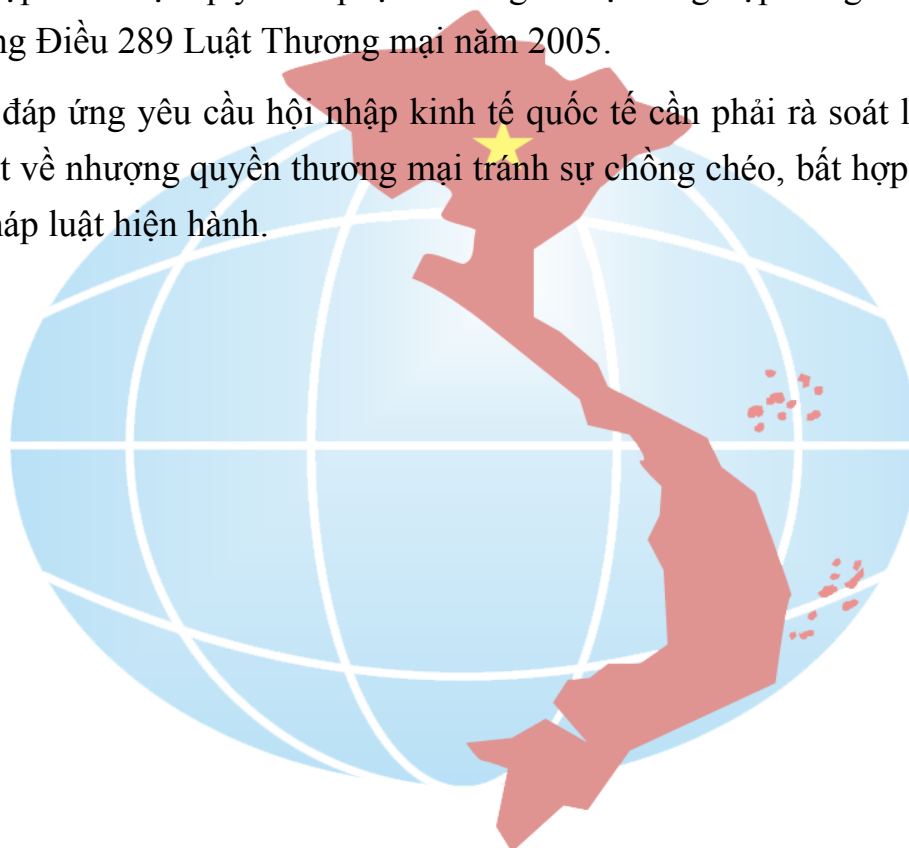
Ngoài ra, trong chế định về nhượng quyền thương mại có sự không thống nhất giữa các quy định của Luật với quy định của Nghị định 35, ví dụ từ "doanh nghiệp" trong điều 7 khoản 2: "Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và Danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh sau khi.." trong khi đó, đối tượng áp dụng của Nghị định là "thương nhân". Hay từ "trách nhiệm" trong điều 8 về trách nhiệm cung cấp thông tin của bên nhượng quyền và điều 9 về trách nhiệm cung cấp thông tin của bên dự kiến nhận quyền cũng không tạo sự thống nhất với các quy định liên quan về nghĩa vụ của bên nhượng quyền tại Điều 287 và nghĩa vụ của bên nhận quyền tại Điều 289 Luật Thương Mại 2005, theo đó cung cấp thông tin là nghĩa vụ của cả bên nhượng quyền và bên nhận quyền, mà còn tránh sự hiểu lầm vì từ trách nhiệm thường gắn liền với sự vi phạm hợp đồng.

Về vấn đề đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 16 Nghị định 35 về đơn phương chấm dứt hợp đồng chưa được thật hợp lý. Theo quy định tại Khoản 1, bên nhận quyền có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhượng quyền thương mại trong trường hợp bên nhượng quyền vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 287 Luật Thương Mại năm 2005. Như vậy, dù bên nhượng quyền vi phạm nghĩa vụ ở mức độ nặng hay nhẹ, vi phạm đó là cơ bản hay không cơ bản thì bên nhận quyền đều có quyền chấm dứt hợp đồng. Quy định này không chỉ không hợp lý mà còn trái với quy định của Luật Thương mại

năm 2005 về các chế tài thương mại, theo đó trái chủ chỉ được quyền áp dụng chế tài đình chỉ thực hiện hợp đồng khi thụ trái vi phạm cơ bản hợp đồng (Điều 310) còn với những vi phạm không cơ bản, trái chủ không được quyền áp dụng chế tài này (Điều 293).

Bên cạnh đó, cũng trong Khoản 2 Điều 16 của nghị định, trong 4 trường hợp bên nhượng quyền được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, không thấy trường hợp bên nhận quyền vi phạm các nghĩa vụ trong hợp đồng như được quy định trong Điều 289 Luật Thương mại năm 2005.

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế cần phải rà soát lại hệ thống pháp luật về nhượng quyền thương mại tránh sự chồng chéo, bất hợp lý trong hệ thống pháp luật hiện hành.



TTBD ĐBDC

